



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

*Năm tài chính cuối cùng từ ngày
01/01/2020 đến ngày 31/03/2021*

**SVC SVC SVC SVC SVC S
VC SVC SVC SVC SVC SVC**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY	1 – 4
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (LẦN 2)	5 – 6
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 8
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 31

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021.

1. Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Phạm Châu Hà	Chủ tịch
- Ông Trần Quốc Long	Giám đốc
- Ông Trần Văn Thanh Tú	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Huân	Phó Giám đốc
- Ông Lê Văn Trinh	Phó Giám đốc

Trong năm tài chính nêu trên, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc.

2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Bà Lương Thị Trúc Giang	Kiểm soát viên chuyên trách
- Bà Trần Thị Hương	Kiểm soát viên kiêm nhiệm

Trong năm tài chính nêu trên, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với kiểm soát viên Công ty.

3. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 360, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Châu Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Mương Ranh;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang – Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang – Xí nghiệp Cơ khí Giao thông.

4. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 đăng ký lần đầu ngày 19/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy;
- Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy;
- Thi công, xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy;
- Gia công lắp ráp, sửa chữa ponton, cầu sắt;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Nạo vét luồng lạch lòng sông, bến bãi;
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính nêu trên và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021 được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 31.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.457.247.051 VND
- Lợi nhuận khác	1.755.864.846 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.213.111.897 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.297.852.780 VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.915.259.117 VND

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Do đây là năm tài chính cuối cùng kéo dài 15 tháng và ngày kết thúc năm tài chính cuối cùng là ngày 31/3/2021 nên báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021.

7. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo Quyết định số 936/QĐ – UBND ngày 26/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Công ty sẽ thực hiện cổ phần hóa và lấy mốc xác định giá trị doanh nghiệp đến ngày 31/12/2018.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Kể từ ngày 01/4/2021, Công ty đã chính thức chuyển sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

8. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021 cho Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính

Theo ý kiến của Chủ tịch Công ty, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Chủ tịch Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty và không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/3/2021, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Long Xuyên, ngày 10 tháng 6 năm 2022



CHỦ TỊCH CÔNG TY

PHẠM CHÂU HÀ



Số: 19A.22 /2022/BCKT/SV-CN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (LẦN 2)

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 6 năm 2022, từ trang 7 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/3/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang tại ngày 31/3/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài báo cáo này, chúng tôi có gửi kèm theo Thư quản lý số 07/2021/TQL/SV-CN1 ngày 12 tháng 5 năm 2021 để đề xuất một số vấn đề trong công tác quản lý của Công ty.

Báo cáo kiểm toán độc lập này được thay thế cho Báo cáo kiểm toán độc lập số 07/2021/BCKT/SV-CN1 được phát hành ngày 12/5/2021.



Đặng Thị Thiên Nga
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2018-107-1
Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 10 tháng 6 năm 2022

Trần Phương Yến
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3601-2021-107-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

		Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	
			31/3/2021
			01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.098.153.402
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.214.212.263
1. Tiền	111		7.214.212.263
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	15.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	5.837.453.371
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		73.606.290
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.554.367.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		4.283.086.171
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(73.606.290)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-
IV. Hàng tồn kho	140		10.895.196.678
1. Hàng tồn kho	141	V.4	10.895.196.678
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		151.291.090
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		75.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.10	76.291.090
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		349.917.914.900
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-
II. Tài sản cố định	220		136.177.087.933
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	123.635.280.978
- Nguyên giá	222		402.022.968.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(278.387.687.827)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	12.541.806.955
- Nguyên giá	228		12.541.806.955
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-
III. Bất động sản đầu tư	230		-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		212.695.818.874
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	212.695.818.874
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.045.008.093
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.045.008.093
2. Tài sản dài hạn khác	268		-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		414.016.068.302
			376.975.437.338

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.992.454.951	16.227.668.742
I. Nợ ngắn hạn	310		27.903.546.625	9.563.844.227
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	5.906.337.047	3.855.546.539
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	931.473.040	1.873.607.118
4. Phải trả người lao động	314		10.188.781.640	1.418.937.883
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		91.556.402	12.062.422
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	73.391.177
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	7.825.872.023	1.978.775.195
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.12	2.959.526.473	351.523.893
II. Nợ dài hạn	330		21.088.908.326	6.663.824.515
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	337		3.000.000	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	20.697.928.829	6.354.077.683
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.14	387.979.497	309.746.832
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		365.023.613.351	360.747.768.596
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	365.023.613.351	360.747.768.596
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		354.368.760.045	353.597.303.590
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		10.654.853.306	7.150.465.006
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		414.016.068.302	376.975.437.338


 Nguyễn Kim Thor
 Người lập


 Phan Hữu Hiền
 Kế toán trưởng


 Phạm Châu Hà
 Chủ tịch Công ty
 Long Xuyên, ngày 10 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Cho năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 31/3/2021	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		222.281.424.357	190.401.595.774
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	222.281.424.357	190.401.595.774
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	196.398.805.710	181.206.439.539
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	25.882.618.647	9.195.156.235
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	2.134.581.634	2.929.570.031
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	438.032.386	(2.613.205.579)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		438.032.386	294.329.708
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	20.121.920.844	15.977.344.455
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.457.247.051	(1.239.412.610)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	2.025.457.809	3.050.772.333
12. Chi phí khác	32	VI.6	269.592.963	493.191.431
13. Lợi nhuận khác	40		1.755.864.846	2.557.580.902
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.10	9.213.111.897	1.318.168.292
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.297.852.780	272.248.664
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.10	7.915.259.117	1.045.919.628

 Nguyễn Kim Thơ
 Người lập

 Phan Hữu Hiền
 Kế toán trưởng

 Phạm Châu Hà
 Chủ tịch Công ty
 Long Xuyên, ngày 10 tháng 6 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 31/3/2021	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	91.601.225.546	79.759.680.681
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(67.300.852.806)	(83.618.954.747)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(56.423.139.210)	(47.018.131.494)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(406.475.984)	(294.329.708)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.127.118.780)	(739.742.483)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	124.630.293.194	68.863.236.257
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(89.093.965.287)	(74.546.977.274)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.879.966.673	(57.595.218.768)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.032.884.266)	(4.133.355.476)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.000.000.000)	(53.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.000.000.000	73.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	12.816.738.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.817.900.126	2.722.214.475
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.214.984.140)	31.405.596.999
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	40.490.880
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	20.503.832.829	6.935.378.280
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.159.947.704)	(6.281.360.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.343.885.125	694.509.160
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	12.008.867.658	(25.495.112.609)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.205.344.605	45.700.457.214
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	32.214.212.263	20.205.344.605


Nguyễn Kim Thor
 Người lập


Phan Hữu Hiền
 Kế toán trưởng


Phạm Châu Hà
 Chủ tịch Công ty
 Long Xuyên, ngày 10 tháng 6 năm 2022



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang (sau đây gọi tắt là Công ty) là công ty TNHH một thành viên được chuyển đổi từ Công ty Phà An Giang theo Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 02/8/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 437.000.000.000 VND.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/3/2021 là 354.368.760.045 VND.

Công ty sẽ tiến hành cổ phần hóa theo Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang.

Vào ngày 31/12/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Kể từ ngày 01/4/2021, Công ty đã chính thức chuyển sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Vận tải, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy;
- Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy;
- Thi công, xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy;
- Gia công lắp ráp, sửa chữa ponton, cầu sắt;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Nạo vét luồng lạch lòng sông, bến bãi;
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021 bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Do đây là năm tài chính cuối cùng kéo dài 15 tháng và ngày kết thúc năm tài chính cuối cùng là ngày 31/3/2021 nên báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021. Kể từ ngày 01/4/2021, Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 360, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Châu Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Mương Ranh;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Cơ khí Giao thông.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có.

Thông tin về công ty con: không có.

7. Thông tin so sánh:

Đây là năm tài chính cuối cùng kéo dài 15 tháng và ngày kết thúc năm tài chính cuối cùng là ngày 31/3/2021 nên các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/3/2021 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước kết thúc vào ngày 31/12/2019 và kỳ kế toán kéo dài 12 tháng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021 (sau đây gọi tắt là năm tài chính cuối cùng).

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: sổ dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Tại ngày 31/3/2021, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 09 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Công ty lâu dài nên không trích khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm tài chính cuối cùng này, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Trong năm tài chính cuối cùng này, Công ty trích quỹ lương viên chức quản lý và quỹ lương cán bộ công nhân viên vào chi phí với số tiền lần lượt là 3.070.840.000 VND (năm 2020: 2.456.640.000 VND và Quý I năm 2021: 614.200.000 VND) và 68.047.300.000 VND (năm 2020: 55.750.000.000 VND và Quý I năm 2021 là 12.297.300.000 VND). Trong đó, quỹ lương năm 2020 thực hiện theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt, riêng quỹ lương Quý I năm 2021, Công ty tạm trích dựa theo Quỹ lương kế hoạch nhưng chưa được phê

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

duyet. Các khoản sai biệt giữa quỹ tiền lương tạm trích và quỹ tiền lương được phê duyệt (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả phê duyệt quỹ tiền lương chính thức.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm tài chính cuối cùng này, chi phí đi vay được vốn hóa là 1.082.662.516 VND.

14. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Trong năm tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài Chính. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại khi có quyết định chính thức về việc đánh giá xếp loại doanh nghiệp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2020 và Quý I năm 2021 đã được giảm 30% theo hướng dẫn tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 và Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính Phủ. Lợi nhuận làm căn cứ để tính giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của năm tài chính cuối cùng của Công ty.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm tài chính cuối cùng này, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

18. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2021	01/01/2020
Tiền mặt	1.385.644.751	443.116.940
Tiền gửi ngân hàng	5.828.567.512 (a)	762.227.665
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000 (b)	19.000.000.000
Cộng	32.214.212.263	20.205.344.605

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

Ngân hàng	31/3/2021	01/01/2020
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Chi nhánh An Giang	5.761.958.859	589.711.748
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
- Chi nhánh An Giang	63.441.094	11.729.461
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	3.167.559	160.786.456
Cộng	5.828.567.512	762.227.665

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

Ngân hàng	31/3/2021	01/01/2020
- Tiền gửi kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	15.000.000.000	15.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	10.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	25.000.000.000	19.000.000.000

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Ngân hàng	31/3/2021	01/01/2020
- Tiền gửi kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	15.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	15.000.000.000	20.000.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/3/2021	01/01/2020
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	73.606.290	73.606.290
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.554.367.200 (c)	1.983.463.000
Phải thu ngắn hạn khác	4.283.086.171	1.342.167.886
- Phải thu ngắn hạn khác	3.935.466.171 (d)	1.072.167.886
- Tạm ứng	347.620.000 (e)	270.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(73.606.290) (f)	(51.524.403)
Cộng	5.837.453.371	3.347.712.773

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

Người bán	31/3/2021	01/01/2020
- Công ty TNHH Xây dựng Điện tử Phú Quý	485.846.000	-
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thuận Trung	349.017.000	-
- BQL Dự án ĐTXD và PTĐT tỉnh An Giang	247.262.000	283.439.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Người bán	31/3/2021	01/01/2020
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng An Hậu	111.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	361.242.200	1.700.024.000
Cộng	1.554.367.200	1.983.463.000

(d) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn khác như sau:

	31/3/2021	01/01/2020
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	271.639.841	207.355.556
- Phải thu về cổ phần hóa	3.663.826.330	864.812.330
Cộng	3.935.466.171	1.072.167.886

(e) Đây là số tiền tạm ứng công tác của cán bộ, công nhân viên Công ty.

(f) Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/3/2021 theo tuổi nợ như sau:

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số phải lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
- Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên	73.606.290	100%	73.606.290	73.606.290	-
Cộng	73.606.290		73.606.290	73.606.290	-

Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/3/2021 theo khoản mục nợ như sau:

	Nợ khó đòi	Số phải lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Phải thu NH khách hàng	73.606.290	73.606.290	73.606.290	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đạt Minh	44.383.890	44.383.890	44.383.890	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Thuận Giang	29.222.400	29.222.400	29.222.400	-
Cộng	73.606.290	73.606.290	73.606.290	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 31/3/2021	Năm 2019
Số đầu năm	51.524.403	36.803.145
Trích lập dự phòng bổ sung	22.081.887	14.721.258
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	73.606.290	51.524.403

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Hàng tồn kho

	31/3/2021	01/01/2020
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	9.270.254.744 (g)	9.646.576.599
Công cụ, dụng cụ trong kho	391.295.375 (h)	288.581.238
Hàng hóa	1.233.646.559 (i)	735.635.169
Cộng giá gốc hàng tồn kho	10.895.196.678	10.670.793.006
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	10.895.196.678	10.670.793.006

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(g) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	31/3/2021	01/01/2020
- Nguyên vật liệu chính	7.854.562.838	7.940.132.065
- Nhiên liệu	1.415.691.906	1.706.444.534
Cộng	9.270.254.744	9.646.576.599

(h) Chi tiết số dư công cụ, dụng cụ trong kho như sau:

Công cụ, dụng cụ	31/3/2021	01/01/2020
- Vé phà, vé cầu đường	270.935.775	228.334.038
- Công cụ, dụng cụ	94.360.000	9.180.000
- Thẻ nhựa	25.999.600	51.067.200
Cộng	391.295.375	288.581.238

(i) Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

Hàng hóa	31/3/2021	01/01/2020
- Xăng các loại	316.306.462	443.230.825
- Dầu các loại	905.386.542	281.152.053
- Nhớt các loại	11.953.555	11.252.291
Cộng	1.233.646.559	735.635.169

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

<i>Loại tài sản</i>	<i>01/01/2020</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>31/3/2021</i>
Nguyên giá	335.682.210.668	72.519.048.832	6.178.290.695	402.022.968.805
- Nhà cửa, vật kiến trúc	68.490.680.692	21.614.834.743	504.777.551	89.600.737.884
- Máy móc, thiết bị	3.269.237.288	983.040.000	111.642.646	4.140.634.642
- PT vận tải, TB truyền dẫn	262.658.041.968	49.921.174.089	5.511.965.952	307.067.250.105
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.264.250.720	-	49.904.546	1.214.346.174
Hao mòn lũy kế	256.761.262.179	27.466.719.264	5.840.293.616	278.387.687.827
- Nhà cửa, vật kiến trúc	26.931.103.658	2.968.798.315	199.833.006	29.700.068.967
- Máy móc, thiết bị	2.157.785.806	573.127.652	111.642.646	2.619.270.812
- PT vận tải, TB truyền dẫn	226.408.121.995	23.924.793.297	5.478.913.418	244.854.001.874
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.264.250.720	-	49.904.546	1.214.346.174
Giá trị còn lại	78.920.948.489			123.635.280.978
- Nhà cửa, vật kiến trúc	41.559.577.034			59.900.668.917
- Máy móc, thiết bị	1.111.451.482			1.521.363.830
- PT vận tải, TB truyền dẫn	36.249.919.973			62.213.248.231
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	-			-

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng trong năm tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021 như sau:

	Số tiền
- Nhận bàn giao phà 200 tấn – C200 (CT-01740) từ bến phà Vàm Cống	798.972.236
- Nhận bàn giao phà 200 tấn – B200 (CT-01740) từ bến phà Vàm Cống	321.428.764
- Chi phí giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng bến phà Tân Châu	20.909.445.812
- Hoán cải các phà	12.756.411.613
- Hoán cải ponton các phà	13.839.104.880
- Ponton 300 tấn (AG-24197) phà Châu Phong – Châu Giang	6.675.726.597
- Ponton, cầu dẫn bờ Châu Phú – Phà Năng Gù	3.198.209.703
- Ponton phà AG – 23800	3.142.637.889
- Cầu dẫn và hộp sà n bờ Chợ Mới – phà Thuận Giang	2.950.290.749
- Cầu dẫn và hộp sà n bờ Phú Tân – phà Thuận Giang	2.128.635.898
- Các tài sản cố định hữu hình khác	5.798.184.691
Cộng	72.519.048.832

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm trong năm tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021 như sau:

	Số tiền
- Bàn giao đường tỉnh lộ 952 bến phà Tân An, bờ Tân An và trụ neo 2 bờ phà Tân An cho Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu	391.480.531
- Thanh lý cầu dẫn bờ Phú Tân – phà Thuận Giang	1.374.939.783
- Thanh lý hộp sà n cầu bờ Châu Phú – phà Năng Gù	793.260.909
- Thanh lý hộp sà n cầu bờ Phú Tân – phà Thuận Giang	637.000.000
- Thanh lý cầu dẫn, lề bộ hành bờ Chợ Mới – phà Thuận Giang	567.196.772
- Thanh lý tàu kéo AG – 10437	428.136.659
- Thanh lý cầu dẫn C400 bờ Châu Phú – phà Năng Gù	425.074.478
- Thanh lý bến chính bờ Chợ Mới – phà Thuận Giang do sạt lở	402.621.916
- Thanh lý trụ chống va bờ Long Xuyên – phà An Hòa	368.607.010

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<u>Số tiền</u>
- Thanh lý 40 hộp sàn bờ Chợ Mới – phà Thuận Giang	263.407.826
- Thanh lý hệ thống thoát nước bờ Chợ Mới – phà Thuận Giang do sạt lở	199.833.006
- Thanh lý liên gia cường và VQĐ bờ Chợ Mới – phà Thuận Giang	113.376.460
- Thanh lý các tài sản cố định hữu hình khác	213.355.345
Cộng	<u>6.178.290.695</u>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong năm tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Trích khấu hao vào chi phí kinh doanh trong năm tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021	27.466.719.264
Cộng	<u>27.466.719.264</u>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm trong năm tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình đã bàn giao	994.922.301
- Hao mòn lũy kế của các tài sản cố định hữu hình thanh lý	4.845.371.315
Cộng	<u>5.840.293.616</u>
- Giá trị còn lại tại ngày 31/3/2021 của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 77.819.081.428.	
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/3/2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 210.605.668.908.	

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>01/01/2020</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>31/3/2021</u>
Nguyên giá	1.170.239.455	11.415.567.500	44.000.000	12.541.806.955
- Quyền sử dụng đất lâu dài	1.170.239.455	11.415.567.500	44.000.000	12.541.806.955
Hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất lâu dài	-	-	-	-
Giá trị còn lại	1.170.239.455			12.541.806.955
- Quyền sử dụng đất lâu dài	1.170.239.455			12.541.806.955

Chi tiết tài sản cố định vô hình tăng trong năm tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Quyền sử dụng đất lâu dài tại bến phà Tân Châu	11.415.567.500
Cộng	<u>11.415.567.500</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết tài sản cố định vô hình giảm trong năm tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021 như sau:

	Số tiền
- Bàn giao quyền sử dụng đất bến phà Tân An, bờ Tân An cho Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu	44.000.000
Cộng	44.000.000
- Giá trị còn lại tại ngày 31/3/2021 của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.415.567.500.	
- Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 31/3/2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có.	

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/3/2021	01/01/2020
- Đường tỉnh lộ 944	167.645.174.486	167.196.221.112
- Bến phà Tân Châu – Hồng Ngự	6.756.710.000	23.458.426.027
- Chi phí sửa chữa phương tiện phà	19.836.480.854	35.557.724.855
- Bến phà Mương Ranh	9.920.675.930	4.139.776.990
- Ponton cầu dẫn phà Hàm Luông	3.651.387.941	2.425.865.958
- Ponton cầu dẫn bến Năng Gù	921.171.583	-
- Bến chính phà Thuận Giang	-	7.003.002.006
- Các công trình khác	3.964.218.080	237.624.909
Cộng	212.695.818.874	240.018.641.857

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/3/2021	01/01/2020
- Phí sử dụng đường bộ	707.465.856	-
- Chi phí nâng cấp phần mềm quản lý nhân sự		
- tiền lương	279.000.000	-
- Phí internet	627.274	-
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	57.914.962	-
Cộng	1.045.008.093	-

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/3/2021	01/01/2020
- Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang	4.065.996.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Thép Thiên Long	932.499.734	-
- Công ty TNHH Thương mại Thép Đức Thành	414.795.838	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Song Hùng	154.339.475	-
- Các nhà cung cấp khác	338.706.000	3.855.546.539
Cộng	5.906.337.047	3.855.546.539

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021		Số phát sinh trong năm		31/3/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
- Thuế GTGT	-	663.397.573	12.528.038.082	12.373.308.712		818.126.943
- Thuế TNDN	247.025.090	-	1.297.852.780	1.127.118.780	76.291.090	
- Thuế TNCN	-	1.210.209.545	3.145.255.002	4.242.118.450		113.346.097
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.147.929.660	1.147.929.660	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	22.000.000	22.000.000	-	-
Cộng	247.025.090	1.873.607.118	18.141.075.524	18.912.475.602	76.291.090	931.473.040

11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/3/2021	01/01/2020
- Kinh phí công đoàn	34.892.453	-
- BHXH, BHYT, BHTN	482.208.646	547.217.260
- Bảo hiểm hành khách	68.865.830	63.094.445
- Chi phí bảo hành công trình	650.774.000	956.873.900
- Phải trả về cổ phần hóa	5.905.285.328	-
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	683.845.766	411.589.590
Cộng	7.825.872.023	1.978.775.195

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/3/2021	01/01/2020
- Quỹ khen thưởng cán bộ công nhân viên	1.564.004.079	-
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	383.850.000	19.042.643
- Quỹ phúc lợi	1.011.672.394	332.481.250
Cộng	2.959.526.473	351.523.893

Các Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập phù hợp với quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài Chính.

13. Vay dài hạn

	31/3/2021	01/01/2020
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để đầu tư bến phà Tân Châu – Hồng Ngự	16.743.137.580	3.202.428.000
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để hoán cải phà D11, phà C04 và sửa chữa ponton	2.218.123.249	-
- Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang để hoán cải phà A-60	1.736.668.000	46.560.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<u>31/3/2021</u>	<u>01/01/2020</u>
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang để đầu tư nâng cấp bến phà Thuận Giang	-	1.632.089.083
- Vay dài hạn CN Ngân hàng Phát triển khu vực Đồng Tháp – An Giang để đầu tư nâng cấp phà 60 tấn, đóng mới phà tự hành 200T & ponton dự phòng 500T	-	1.473.000.600
Cộng	<u>20.697.928.829</u>	<u>6.354.077.683</u>

14. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>31/3/2021</u>	<u>01/01/2020</u>
- Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	387.979.497 (j)	309.746.832
Cộng	<u>387.979.497</u>	<u>309.746.832</u>

(j) Đây là khoản Công ty trích dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ Tài Chính.

15. Vốn chủ sở hữu

(a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm 2019 (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu	360.707.277.716	-	7.109.974.126	353.597.303.590
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	2.505.702.315	2.505.702.315	-
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	7.150.465.006	-	7.150.465.006
Cộng	<u>360.707.277.716</u>	<u>9.656.167.321</u>	<u>9.615.676.441</u>	<u>360.747.768.596</u>

(b) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021*

	<u>01/01/2020</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>31/3/2021</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu	353.597.303.590	1.120.401.000	348.944.545	354.368.760.045
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	7.915.259.117	7.915.259.117	-
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	7.150.465.006	3.504.388.300	-	10.654.853.306
Cộng	<u>360.747.768.596</u>	<u>12.540.048.417</u>	<u>8.264.203.662</u>	<u>365.023.613.351</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vốn góp của chủ sở hữu tăng trong năm tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021 là do:

	Số tiền
- Nhận bàn giao phà 200 tấn – C200 (CT-01740) từ bến phà Vàm Cống	798.972.236
- Nhận bàn giao phà 200 tấn – B200 (CT-01740) từ bến phà Vàm Cống	321.428.764
Cộng	1.120.401.000

Vốn góp của chủ sở hữu giảm trong năm tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021 là do:

	Số tiền
- Bàn giao quyền sử dụng đất bến phà Tân An, bờ Tân An cho Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu	44.000.000
- Bàn giao đường tỉnh lộ 952 bến phà Tân An, bờ Tân An cho Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu	304.944.545
Cộng	348.944.545

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng trong năm tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021 là do:

	Số tiền
- Ngân sách tỉnh hoàn trả chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Đường dẫn lên xuống phà Mương Ranh theo Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	3.279.429.300
- Ngân sách tỉnh hoàn trả chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Bến phà Mương Ranh theo Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 06/5/2013, Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 05/8/2013, Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	224.959.000
Cộng	3.504.388.300

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

(a) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)*

	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Giá vốn</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Bến An Hòa	64.799.833.083	50.007.685.234	14.792.147.849	22,83%
- Bến Trà Ôn	11.688.931.204	8.092.916.622	3.596.014.582	30,76%
- Bến Ô Môi	835.909.570	2.846.181.498	(2.010.271.928)	(240,49%)
- Bến Năng Gù	15.043.407.652	16.594.769.983	(1.551.362.331)	(10,31%)
- Bến Châu Giang	37.353.845.943	26.941.969.610	10.411.876.333	27,87%
- Bến phụ Châu Giang	770.036.607	1.750.904.859	(980.868.252)	(127,38%)
- Bến Tân An	1.376.609.819	1.443.174.582	(66.564.763)	(4,84%)
- Bến Tân Châu	15.645.500.733	25.908.953.149	(10.263.452.416)	(65,60%)
- Bến Thuận Giang	18.017.467.433	18.249.844.979	(232.377.546)	(1,29%)
- Bến Mương Ranh	7.548.903.728	11.217.955.544	(3.669.051.816)	(48,60%)
- Cửa hàng Xăng dầu	17.010.746.594	18.013.693.206	(1.002.946.612)	(5,90%)
- Liên kết đào tạo	310.403.408	138.390.273	172.013.135	55,42%
Cộng	190.401.595.774	181.206.439.539	9.195.156.235	4,83%

(b) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021*

	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Giá vốn</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Bến An Hòa	72.173.449.019	49.372.899.831	22.800.549.188	31,59%
- Bến Trà Ôn	15.338.283.691	10.556.770.757	4.781.512.934	31,17%
- Bến Ô Môi	804.517.243	2.591.816.635	(1.787.299.392)	(222,16)%
- Bến Năng Gù	19.996.707.214	19.634.511.847	362.195.367	1,81%
- Bến Châu Giang	47.587.502.533	31.416.723.407	16.170.779.126	33,98%
- Bến phụ Châu Giang	276.833.175	851.701.633	(574.868.458)	(207,66)%
- Bến Tân Châu	16.697.308.848	28.860.613.812	(12.163.304.964)	(72,85)%
- Bến Thuận Giang	23.596.823.560	23.267.996.261	328.827.299	1,39%
- Bến Mương Ranh	9.881.384.314	12.579.482.821	(2.698.098.507)	(27,30)%
- Cửa hàng Xăng dầu	15.646.532.943	17.218.463.233	(1.571.930.290)	(10,05)%
- Liên kết đào tạo	282.081.817	47.825.473	234.256.344	83,05%
Cộng	222.281.424.357	196.398.805.710	25.882.618.647	11,64%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Từ 01/01/2020 đến 31/3/2021</i>	<i>Năm 2019</i>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	2.134.581.634	2.929.570.031
Cộng	2.134.581.634	2.929.570.031

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 31/3/2021	Năm 2019
- Chi phí lãi vay	438.032.386	294.329.708
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(2.907.535.287)
Cộng	438.032.386	(2.613.205.579)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2020 đến 31/3/2021	Năm 2019
- Chi phí nhân viên quản lý	10.959.649.712	8.095.876.477
- Chi phí vật liệu quản lý	88.993.804	107.059.531
- Chi phí đồ dùng văn phòng	340.619.607	214.916.184
- Chi phí khấu hao TSCĐ	541.817.163	607.011.902
- Thuế, phí và lệ phí	13.814.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	22.081.887	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.382.487.857	3.957.407.391
- Chi phí bằng tiền khác	3.772.456.814	2.992.072.970
Cộng	20.121.920.844	15.977.344.455

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2020 đến 31/3/2021	Năm 2019
- Thu nhập từ bán phế liệu	248.595.364	311.416.729
- Thu tiền cho thuê vẽ quảng cáo trên phà, cho thuê mặt bằng	194.383.541	219.624.667
- Xử lý kết quả kiểm kê thừa	1.326.083.520	2.252.120.478
- Thu bồi thường	-	68.570.455
- Các khoản thu nhập khác	256.395.384	199.040.004
Cộng	2.025.457.809	3.050.772.333

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2020 đến 31/3/2021	Năm 2019
- Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	-
- Chi phí thanh lý tài sản	33.052.534	60.457.891
Lỗi từ thanh lý tài sản	33.052.534	60.457.891
- Giá vốn của phế liệu thanh lý	-	11.000.000
- Xử lý kết quả kiểm kê thiếu	236.534.004	312.130.792
- Chi bồi thường	-	65.427.500
- Chậm nộp thuế	6.425	33.075.028
- Các khoản chi phí khác	-	11.100.220
Cộng	269.592.963	493.191.431

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2020 đến 31/3/2021	Năm 2019
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.925.713.627	45.630.934.554
- Chi phí nhân công	85.898.464.601	66.685.644.613
- Chi phí khấu hao TSCĐ	27.466.719.264	23.248.365.618
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.482.306.039	3.957.407.391
- Chi phí bằng tiền khác	3.772.456.814	2.992.072.970
Cộng	162.545.660.345	142.514.425.146

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2020 đến 31/3/2021	Năm 2019
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.297.852.780	272.248.664
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.297.852.780	272.248.664

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2020 đến 31/3/2021	Năm 2019
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các việc hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Phân phối lợi nhuận

NĂM 2020

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2020

3.403.791.587

Điều chỉnh các khoản tăng thu nhập chịu thuế

10.006.425

- Phạt chậm nộp thuế

6.425

- Chi phí không có hóa đơn, chứng từ đúng quy định

10.000.000

Lợi nhuận tính thuế năm tài chính 2020

3.413.798.012

Trừ

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trước khi giảm 30% theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP

682.759.602

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được giảm 30% theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP

(204.827.881)

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau khi giảm 30% theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP**

477.931.721

Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2020

2.925.859.866

- Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành

255.900.000

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi

2.669.959.866

Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2020

-

QUÝ 1 NĂM 2021

Lợi nhuận năm 2020 tăng do vốn hóa chi phí lãi vay thiếu vào chi phí

22.581.077

Lợi nhuận kế toán trước thuế quý 1 năm 2021

5.809.320.310

Điều chỉnh các khoản tăng thu nhập chịu thuế

15.000.000

- Chi phí không có hóa đơn, chứng từ đúng quy định

15.000.000

Lợi nhuận tính thuế quý 1 năm 2021

5.824.320.310

Trừ

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2020 từ LN tăng thêm

4.516.216

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trước khi giảm 30% theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP

1.164.864.062

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được giảm 30% theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP

(349.459.219)

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau khi giảm 30% theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP**

819.921.059

Lợi nhuận kế toán sau thuế quý 1 năm 2021

4.989.339.251

- Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành

76.770.000

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi

3.074.325.000

- Lợi nhuận còn lại nộp về Ngân sách

1.860.885.328

Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/3/2021

-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính cuối cùng bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/3/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có.

2. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:**

Tại ngày 01/4/2021, Công ty đã chính thức chuyển sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

3. **Thông tin về các bên có liên quan:** không có.

4. **Thông tin về hoạt động liên tục**

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Chủ tịch Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Kể từ ngày 01/4/2021, Công ty đã chính thức chuyển sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

5. **Thay đổi chính sách kế toán:** không có.

6. **Những thông tin khác:** không có.

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN KIM THƠ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN HỮU HIỀN

Long Xuyên, ngày 10 tháng 6 năm 2022

CHỦ TỊCH CÔNG TY



PHẠM CHÂU HÀ